

Bản án số: 57/2019/HNGĐ-ST

Ngày 29/11/2019

Về việc: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Thanh, ông Phan Sỹ Phác.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Kim Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông tham gia phiên tòa: ông Phạm Văn Cường– Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 214/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2019 về việc Xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2019/QĐXX-ST ngày 18 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

**/ Nguyên đơn:* Anh Phí Văn T, sinh năm 1976; Địa chỉ: thôn 5, xã R, huyện M, tỉnh Đắc Nông. (Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

**/ Bị đơn:* Chị Võ Thị V, sinh năm 1978; Địa chỉ: thôn 5, xã R, huyện M, tỉnh Đắc Nông. Hiện đang Cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện PN, huyện B, tỉnh Bình Phước (Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 10/10/2019, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Phí Văn T trình bày: Vào năm 2007 anh và chị Võ Thị V đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã Đ, huyện ĐH, tỉnh Thái Bình. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do vợ chồng luôn bất đồng về quan điểm, cách sống, hay cãi nhau vì những việc nhỏ nhặt trong gia đình, không ai quan tâm đến ai. Do đó, anh, chị đã sống ly thân với nhau từ năm 2016 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh Phí Văn T đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Võ Thị V.

Về con chung: Anh, chị có 01 con chung là cháu Phí Việt Đ, sinh ngày 16/9/2009. Hiện cháu đang ở với anh T tại thôn 5, xã R, huyện M, tỉnh Đắk Nông. Khi ly hôn anh T xin được tiếp tục nuôi cháu Phí Việt Đ.

Về cấp dưỡng: Anh T không yêu cầu chị Võ Thị V phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết; công nợ chung không có.

- *Theo nội dung lời khai của bị đơn chị Võ Thị V trình bày như sau:* Chị và anh Phí Văn T kết hôn với nhau vào năm 2007 có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã Đ, huyện ĐH, tỉnh Thái Bình, hôn nhân giữa anh, chị hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc. Anh, chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là vì anh T có mối quan hệ với người đàn bà khác nên anh, chị ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nay đối với yêu cầu xin ly hôn của anh Phí Văn T thì chị đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh, chị có 01 con chung là cháu Phí Việt Đ, sinh ngày 16/9/2009. Khi ly hôn vì chị đang phải Cai nghiện không có điều kiện để chăm sóc con nên chị đồng ý giao cháu Phí Việt Đ cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phí Việt Đ. Khi nào chị có điều kiện chị sẽ yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con sau.

Về tài sản chung và nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên toà phát biểu:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn, bị đơn đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 9; Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phí Văn T, anh Phí Văn T được ly hôn với chị Võ Thị V; về con chung: Giao cháu Phí Việt Đức, sinh ngày 16/9/2009 cho anh Phí Văn T được trực tiếp nuôi dưỡng trông nom, chăm sóc, giáo dục, đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: anh Phí Văn T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Anh Phí Văn T yêu cầu xin ly hôn với chị Võ Thị V, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình (ly hôn) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn chị Võ Thị V có đăng ký hộ khẩu tại thôn 5, xã R, huyện M, tỉnh Đắk Nông. Nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 14/11/2019 chị Võ Thị V có đơn xin xét xử vắng, ngày 18/11/2019 anh Phí Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil mở phiên tòa xét xử vắng mặt anh Phí Văn T, chị Võ Thị V là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung vụ án:

2.1 Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Phí Văn T và chị Võ Thị V là hợp pháp. Trong quá trình chung sống hai bên xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, không còn khả năng đoàn tụ, giữa anh, chị không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc với nhau nữa. Trong quá trình giải quyết vụ án anh T và chị V đều thừa nhận anh, chị không còn tình cảm với nhau nữa, không muốn tiếp tục chung sống và muốn được ly hôn để ổn định cuộc sống, hôn nhân vợ chồng không đạt được mục đích. HĐXX xét thấy, mâu thuẫn phát sinh từ lâu nhưng cả hai không tìm ra được giải pháp khắc phục. Anh, chị đã không còn tin tưởng, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, hôn nhân của anh chị thật sự không đạt được mục đích. Do vậy, Hội đồng xét xử nghĩ cần căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Phí Văn T và giải quyết anh T được ly hôn với chị V.

2.2 Về con chung: Anh Phí Văn T có nguyện vọng được nuôi con điều này thể hiện trách nhiệm của bố, mẹ đối với con. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt về quyền lợi của các con chưa thành niên.

Theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”*.

Hiện nay cháu Phí Viết Đ, sinh ngày 16/9/2009 đang ở với anh T từ lúc anh, chị ly thân (năm 2016) cho đến nay, trong quá trình làm việc tại Tòa án cháu Đ cho rằng nếu bố, mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở với anh T. Hiện tại chị V đang cai nghiện tại cơ sở cai Nghiện PN nên không có điều kiện chăm sóc con chung. Từ những nhận định trên, HĐXX nghĩ, cần giao cháu Phí Viết Đức cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là có căn cứ.

2.3 Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Phí Văn T không yêu cầu chị Võ Thị V phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

2.4 Về tài sản chung và nợ: Anh Phí Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết. Trong thời gian chung sống anh, chị không vay mượn của ai hay cho ai vay mượn tài sản gì nên không đặt ra để giải quyết.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì anh Phí Văn T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của anh Phí Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: anh Phí Văn T được ly hôn với chị Võ Thị V.

2. Về con chung: Giao cháu Phí Viết Đ, sinh ngày 16/9/2009 cho anh Phí Văn T trực tiếp, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi. Chị Võ Thị V được quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau ly hôn, anh T không được cản trở hoặc gây trở ngại đến việc thăm nom, giáo dục con chung.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên không xem, xét giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Anh Phí Văn T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Phí Văn T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0001777 ngày 10/10/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Đắk Nông.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐắkNông;
- VKS ND huyện ĐắkMil;
- Chi cục THA DS huyện M;
- UBND xã R, huyện M;
- UBND xã Đ, H. ĐH,T. Thái Bình;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thế Hạnh